|  |  |
| --- | --- |
|  | **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM**  **119 Nguyen Son Street, Long Bien District, Ha Noi**  **Socialist Republic of Viet Nam** |

Tel. (84 24) 3827 1353, Fax: (84 24) 3827 1933, E: AvSec@caa.gov.vn; W: www.caa.gov.vn

**QUESTIONAIRE FOR THE ASSESSMENT**

**(COPY FOR AIRCRAFT OPERATOR – ALL CARGO)**

Name of operator:

ICAO and IATA Code:

Country/ Territory of registered:

Names of your station airport (s) in Viet Nam:

Name & title of the person who complete the questionaire:

Email:

Tel/ Mobiphone No:

Location:

Date:

**CHECK LIST OF THE DOSSIER FOR APPROVAL OF FOREIGN AIRCRAFT OPERATOR SECURITY PROGRAMME (AOSP)/ DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG (ANHK) CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**

1. Letter of submission AOSP/ Công văn đề nghị chấp thuận Chương trình ANHK:

1.1. A letter submit the AOSP by the airlines (Annex No. VI, Circular 13/2019/TT-BGTVT date 29 March 2019)/ Công văn trình AOSP của hãng hàng không (Phụ lục số VI, Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019): Yes / Có

1.2. Should the submission made by an Vietnamese agent on behalf of the airlines, a power of attorney letter is mandatory/ Văn bản ủy quyền nếu tổ chức Việt Nam thay mặt hãng hàng không trình AOSP:

Yes/ Có  Not applicable/ Không áp dụng

2. A copy of AOSP/ Chương trình ANHK:

2.1. Soft-copy / Bản điện tử

2.2. Hard-copy/ Print-copy/ Bản giấy

Number of Hard-copies submitted/ Số lượng bản giấy:

2.3. Language of the AOSP/ Ngôn ngữ của Chương trình ANHK

- English/ Tiếng Anh  Others language/ Ngôn ngữ khác

- Vietnamese (*translation of Vietnamese language of the AOSP is required*):/ Tiếng Việt (*Yêu cầu phải có bản dịch tiếng Việt Chương trình ANHK*):

Yes/ Có  No/ Không

2.4. AOSP code/ Mã số Chương trình ANHK:

Issue No:/ Số ban hành:

Revision No:/ Số sửa đổi:

Revision date: / Ngày sửa đổi:

Effective date: / Ngày hiệu lực:

3. A copy of ASOP approval by the national aviation security authority where foreign aircraft operator registered/ Văn bản phê chuẩn của Nhà chức trách ANHK nơi hãng đăng ký:

3.1. Full name of approval authority/ Tên đầy đủ của Nhà chức trách ANHK: …………………..

3.2. Number and date of approval / Số và ngày văn bản phê chuẩn: ……………………………..

3.3. A copy of approval is attached/ Văn bản phê chuẩn của Nhà chức trách ANHK đính kèm:

Yes/ Có

English/ Tiếng Anh  Vietnamese/ Tiếng Việt  Others language/ Ngôn ngữ khác

Note/ Ghi chú: Should the approval is in the other language, a translation of English/Vietnamese is required/ Văn bản phê chuẩn là ngôn ngữ khác, yêu cầu bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

4. A completed assessment questionnaire by foreign airlines to find out differences (if any) between their AOSP and the Viet Nam regulations (this questinonaire)/ Bảng đánh giá của hãng hàng không nước ngoài về những khác biệt (nếu có) giữa Chương trình ANHK của hãng hàng không và quy định của Việt Nam (Bảng câu hỏi này): Yes/ Có

**EVALUATION ON CONTENT OF AOSP WHICH IS DIFFERENT WITH VIETNAM REGULATIONS/ BẢNG ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KHÁC BIỆT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ANHK CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

# 1. COMMON EVALUATION/ ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ANHK

## 1.1 Contact point of aviation security/ Các đầu mối liên hệ về ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.........................*

## 1.2 Aviation secutiry organization of the carrier/ Tổ chức, bộ máy ANHK của Hãng

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

## 1.3 Head of Aviation security department of the airlines/ Người đứng đầu chịu trách nhiệm về ANHK của hãng

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.........................*

## 1.4 Designate and inform the Civil Aviation Authority of Viet Nam (CAAV) about the person who directly take comprehensive responsibilities to ensure aviation security (AVSEC) of its operation within Vietnam (Item 4, Article 97/Circular 13)/ Chỉ định người chịu trách nhiệm về ANHK của hãng tại Việt Nam (Khoản 4, [Điều 97/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_115_K6))

Full Name/ Họ tên:

Position/ Chức danh:

Contact address/ Địa chỉ liên hệ:

Fixed telephone & Mobiphone No./ Số điện thoại cố định & di động:

Email address / Địa chỉ hộp thư:

## 1.5 Designate and inform the CAAV about the contact person/ representative office of airlines in Vietnam/ Chỉ định đầu mối liên hệ/ văn phòng đại diện của hãng hàng không tại Việt Nam

a) Point of contact (POC):/ Đầu mối liên hệ:

Full Name/ Họ tên:

Position/ Chức danh:

Contact address/ Địa chỉ liên hệ:

Fixed telephone & Mobiphone No./ Số điện thoại cố định & di động:

Email address / Địa chỉ hộp thư:

b) Representative office or branch office of airlines in Vietnam / Văn phòng đại diện hoặc văn phòng chi nhánh của hãng tại Việt Nam

Name and address of airlines’ representative office or branch office / Tên và địa chỉ văn phòng đại diện hoặc văn phòng chi nhánh của hãng hàng không:

Telephone No / Số điện thoại:

Fax No:/ Số fax:

Email address:/ Địa chỉ hộp thư:

## 1.6 The aircraft commander: responsibility and authority/ Người chỉ huy tàu bay: trách nhiệm/quyền hạn

When aircraft is in flight, the pilot-in-command shall be responsible for ensuring security, maintaining public order on board the aircraft; authorize to apply measures to prevent, restrain and respond to acts of unlawful interference, acts in violation of regulations on aviation safety assurance, acts of disturbance violating social order and safety, non-compliance with requests and instructions of the flight crew in accordance with law; and hand those who have committed such acts to competent slate agencies when the aircraft lands at the next airport. The pilot-in-command shall be in charge of arranging security supervision and maintaining order on board during flight (Item 3, Article 67/Circular 13)./ Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm ANHK, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay; được áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm các quy định về bảo đảm ANHK, hành vi gây rối, vi phạm trật tự kỷ luật, không tuân thủ yêu cầu, hướng dẫn của tổ bay theo quy định pháp luật; tổ chức bàn giao người vi phạm, tang vật và biên bản hoặc báo cáo vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Người chỉ huy tàu bay tổ chức việc giám sát ANHK, duy trì trật tự kỷ luật trên tàu bay trong suốt chuyến bay (Khoản 3, Điều 67/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 1.7 Sensitive Security Information document and the issuing, monitoring, providing, supplementing and amending security document (Article 7/Circular 13)/ Kiểm soát chương trình và các thông tin ANHK hạn chế ([Điều 7/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_010))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 1.8 Security Policy Statement/ Chính sách ANHK/ Tuyên bố bảo đảm ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

## 1.9 Reporting: policy, mechanism, content and channel for report security matter (not include the incident/accident report) – if any/ Báo cáo: cơ chế, chính sách, kênh báo cáo, các nội dung báo cáo (ngoại trừ các báo cáo sự cố) - nếu có

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 1.10 Your airlines AOSP is developed based on or similar to the ICAO Doc 8973 RESTRICTED Appendix 24. Aircraft operator security programme/ AOSP của hãng được xây dựng trên hoặc tương tự mẫu của ICAO Doc 8973 RESTRICTED Appendix 24

Yes/ Có  No/ Không

# 2. EVALUATION ON PREVENTIVE SECURITY MEASURES/ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN NINH PHÒNG NGỪA

## 2.1 Control and monitor the security of aircraft, security on flights/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với tàu bay, đảm bảo an ninh trên chuyến bay

2.1.1 Ensuring security of aircraft not in operation/ Bảo đảm an ninh khi tàu bay không khai thác:

Prevention of unauthorized access to aircraft; Security patrols; Preflight precautions/ Ngăn ngừa tiếp cận tàu bay trái phép; tuần tra an ninh; các biện pháp phòng ngừa trước chuyến bay

When aircrafts are not in operation, it must be subject to measures as specified in clause 1 of Article 64 of the Circular 13 and meet the following requirements: (Item 2, Article 64/Circular 13)/ Khi tàu bay không khai thác phải thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1, Điều 64/TT 13 và các yêu cầu sau: (Khoản 2, Điều 64/TT 13)

a) Passenger stairs, aero-bridges conveyor belt and other service vehicles must be removed away from the aircraft; (Point a, Item 2, Article 64/Circular 13)/ Cầu thang, cầu ống dẫn khách, băng chuyền và các phương tiện phục vụ khác phải được di dời khỏi tàu bay; (Điểm a, Khoản 2, Điều 64/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Aircraft operators shall be responsible for closing and locking their aircrafts doors; sealing aircraft door; aircraft parking at apron must be under night lighting system. (Point b, Item 2, Article 64/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm đóng, khoá cửa tàu bay; niêm phong cửa tàu bay; tàu bay đỗ ban đêm phải được chiếu sáng. (Điểm b, Khoản 2, Điều 64/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.1.2 Ensuring security of aircraft in operation/ Bảo đảm an ninh khi tàu bay đang khai thác:

Pre-flight security check (Article 65/Circular 13)/ Kiểm tra an ninh trước chuyến bay (Điều 65/TT 13)

a) Before or after embarkation and disembarkation of passengers, baggage, cargo, parcels, courier and mail, air carriers shall carry out security check of the aircraft in order to detect dangerous items or any persons hidden in the aircraft. Air carriers shall have to provideprocedures and process of security check in their AOSP. (Item 1, Article 65/Circular 13)/ Trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi lên tàu bay và sau khi hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi xuống hết khỏi tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra ANHK tàu bay theo danh mục của từng loại tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay. Người khai thác tàu bay phải quy định chi tiết quy trình, thủ tục kiểm tra ANHK tàu bay trong Chương trình ANHK của hãng hàng không. (Khoản 1, Điều 65/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) The securitycheck and search of aircraft shall be conducted according to security checklist. Each aircraft must have a checklist, the content of checklist must be regulated in AOSP of the air carriers. (Item 2, Article 65/Circular 13)/ Kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục kiểm tra ANHK, lục soát an ninh tàu bay và nội dung danh mục kiểm tra ANHK phải được quy định trong Chương trình ANHK của hãng hàng không. (Khoản 2, Điều 65/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Aircraft parking at apron must be protected by appropriate measures to detect, prevent from the illegal approach of person, vehicle for in/out carriage of items to aircraft. (Item 1, Article 64 / Circular 13)/ Tàu bay đỗ tại sân đỗ tàu bay phải được bảo vệ bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện, ngăn chặn người, phương tiện tiếp cận, đưa đồ vật lên, xuống hoặc để lại trên tàu bay một cách trái phép. (Khoản 1, Điều 64/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Aircrafts are in operation, it must be subject to measures as specified in clause 1 of Article 64 of the Circular 13 and meet the following requirements: (Item 3, Article 64/Circular 13)/ Tàu bay đang khai thác phải thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1, Điều 64/TT 13 và các yêu cầu sau: (Khoản 3, [Điều 64/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_067))

(i) Being under security surveillance continuously or its doors must be closed, locked, and sealed; (Point a, Item 3, Articale 64/Circular 13)/ Được giám sát ANHK liên tục hoặc được đóng, khóa, niêm phong cửa tàu bay; (Điểm a, Khoản 3, Điều 64/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

(ii) Aircraft operators shall be responsible for organizing the control of persons, items in/out aircraft. (Point b, Item 3, Article 64/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức kiểm soát người, đồ vật lên, xuống tàu bay. (Điểm b, [Khoản 3, Điều 64/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_067_K3))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Who is responsible/ Người thực hiện:.............................................................................................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

e) Access control and flight crew compartment protection (Article 66/Circular 13)/ Kiểm soát tiếp cận tàu bay và bảo vệ khoang lái ([Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069))

Who are allowed to access and boarding?/ Các trường hợp của hãng được phép tiếp cận và lên tàu bay?

***Please enumerate***: ..........................................................................................................................

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**2.1.3**Cockpit protection (Article 66/Circular 13)/ **Bảo vệ buồng lái(**[Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069))

a) When aircraft is in flight, the its cockpit doors shall be locked from the inside. (Item 1, Article 66/Circular 13)/ Trong thời gian tàu bay đang bay, cửa buồng lái phải được khoá từ bên trong. (Khoản 1, [Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) An aircraft with a maximum take-off weight of 45,500 kg or the aircraft with a capacity of 60 or more passengers must be met the following requirements: The cockpit door of aircraft shall be designed to be protected from small-arms; projectiles or the fragments or debris of a hand grenade and to prevent unauthorized and forcible entry; and there shall be equipment to allow cockpit crew to monitor entirely the area immediately adjacent to the cockpit door in order to be able to recognize the persons requesting entry into the cockpit and to detect suspected acts or potential threats. (Item 2, Article 66/Circular 13)/ Tàu bay có trọng lượng cất cánh tối đa từ 45.500 kilôgam trở lên hoặc có sức chở từ 60 hành khách trở lên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: Cửa buồng lái tàu bay có khả năng chống lại vũ khí hạng nhẹ, mảnh lựu đạn hoặc việc sử dụng vũ lực để vào buồng lái trái phép; Có trang bị, thiết bị để tổ lái giám sát toàn bộ khu vực bên ngoài cửa buồng lái tàu bay nhằm nhận biết những người có yêu cầu vào buồng lái, phát hiện những hành vi nghi ngờ hoặc nguy cơ đe dọa tiềm ẩn. ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 2, [Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Air carriers shall ensure that none is authorized to access the cockpit after closing all aircraft doors until being opened for passenger disembarkation except the following subjects being agreed by the pilot-in-command: (Item 3, Article 66/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay phải đảm bảo sau khi các cửa của tàu bay được đóng để khởi hành, không ai được phép vào buồng lái cho đến khi các cửa của tàu bay được mở ra để hành khách rời khỏi tàu bay ngoại trừ những đối tượng sau đây nếu Người chỉ huy tàu bay đồng ý: ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 3, [Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

(i) Crewmember on duty;/ Thành viên tổ bay đang làm nhiệm vụ;

(ii) Persons authorized by air carriers;/ Người được người khai thác tàu bay cho phép;

(iii) Persons authorized to access the cockpit in according to applicable law./ Người được phép vào buồng lái theo quy định của pháp luật.

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Flight crewmembers are not allowed to leave the cockpit until being approved by the pilot-in-command; there must be at least 2 pilots in the cockpit. (Item 4, Article 66/Circular 13)/ Thành viên tổ lái không được phép rời buồng lái khi chưa được người chỉ huy tàu bay cho phép; trong buồng lái phải luôn có mặt 02 người là thành viên tổ lái. ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 4, [Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.2 Control and monitor the security of crewmembers/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay

2.2.1 Aircraft operators shall provide list of crewmembers to AVSEC force before security check processing. Crewmembers shall wear company uniform according to the aircraft operator’s regulations, pack their baggage by themselves and are only permitted to bring baggage in compliance with the provisions at Item 4, Article 43 of Circular 13. (Item 1, Article 43/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay phải cung cấp danh sách tổ bay cho lực lượng kiểm soát ANHK trước khi tổ bay làm thủ tục kiểm tra ANHK. Tổ bay phải mặc trang phục theo quy định, tự đóng gói hành lý và chỉ được phép mang hành lý theo quy định tại khoản 4, Điều 43/TT 13. (Khoản 1, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.2.2 Crewmembers shall present their crewmember cardsatsecurity checkpoints. The security staff shall check their badges, compare with the list of crewmembers provided by the aircraft operator. (Item 2, Article 43/Circular 13)/ Thành viên tổ bay phải xuất trình thẻ nhận dạng tổ bay tại điểm kiểm tra ANHK. Nhân viên kiểm soát ANHK kiểm tra, đối chiếu danh sách tổ bay của chuyến bay do người khai thác tàu bay cung cấp với thẻ nhận dạng tổ bay. (Khoản 2, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.2.3 The security screening, supervision, search of crewmembers and their baggage shall be carried out in the same manner as departure passengers and their baggage. (Item 3, Article 43/Circular 13)/ Việc soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh đối với thành viên tổ bay và hành lý của họ được thực hiện như đối với hành khách, hành lý xách tay của hành khách xuất phát. (Khoản 3, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.2.4 Airlines shall stipulate in details the security check of baggage and items of crewmembers in their AOSP. (Item 4, Article 43/Circular 13)/ Hãng hàng không quy định chi tiết việc kiểm soát hành lý, đồ vật của tổ bay khi lên tàu bay trong Chương trình ANHK của hãng hàng không. (Khoản 4, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.2.5 Aviation security procedures for departure crewmembers and their baggage shall be stipulated in details in aviation security programme of the providing the aviation security assuarance services unit (Item 5, Article 43/Circular 13)/ Quy trình kiểm tra an ninh đối với tổ bay và hành lý xách tay xuất phát phải được quy định chi tiết trong quy chế ANHK của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK (Khoản 5, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

*Name of unit is responsible/ Tên của đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện:…………………………*..

2.2.6 Foreign air carrier shall inform the template of crew ID card to airport authority, AVSEC force of place of operation for supervision. (Item 7, Article 11/Circular 13)/ Hãng hàng không nước ngoài phải thông báo mẫu thẻ nhận dạng tổ bay cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát ANHK nơi hãng hàng không khai thác để giám sát. (Khoản 7, Điều 11/TT 13**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.3 Control and monitor the security of cargo, mail, postal matters and parcels/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi

2.3.1 Departure cargo, mail, postal matters and parcels shall be security screened 100% by the X-ray machine. (Item 3, Article 50/Circular 13)/ Hàng hóa, bưu gửi xuất phát phải được kiểm tra ANHK bằng biện pháp soi chiếu 100%. (Khoản 3, [Điều 50/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_053))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.3.2 If any suspicion found, manual check or other appropriate measures shall be applied. Manual check shall be conducted with the presentation of the owner or their legal representative or representative of air carrier concerned. If any unusual signs of threatening to security, safety of flights, cargo, parcels must be subjected to security search. (Item 3, Article 50/Circular 13)/ Trường hợp có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác. Việc kiểm tra trực quan được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hàng hoá, bưu gửi phải được lục soát ANHK. (Khoản 3, Điều 50/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.3.3 In case thescreened depature cargo, mail and postal matters and parcels are transported through public areas to aircraft, the transport means shall be escorted or put under security surveillance continuously in order to prevent the unauthorized introduction of dangerous items. (Item 5, Article 50/ Circular 13)/ Hàng hoá, bưu gửi xuất phát đã được kiểm tra ANHK mà phải vận chuyển qua các khu vực công cộng để ra tàu bay, phương tiện vận chuyển phải có người hộ tống hoặc có biện pháp giám sát thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi. (Khoản 5, Điều 50/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.3.4 Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels must be applied with security screening, supervision in the same manner as departure ones, except cases stipulated in item 7, Article 50 of Circular 13. (Item 6, Article 50/ Circular 13)/ Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển phải được soi chiếu, giám sát ANHK như hàng hoá, bưu gửi xuất phát, trừ quy định tại khoản 7 Điều 50/TT 13. (Khoản 6, Điều 50/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.3.5 Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels carried in passenger flight shall be exempted from security check whenever confirmed in written or with security seals as confirmation of being undergone security check at departure location and including one of the following cases: (Item 7, Article 50/Circular 13)/ Hàng hoá, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển trên tàu bay vận chuyển hành khách không phải kiểm tra ANHK khi có xác nhận bằng văn bản hoặc niêm phong xác nhận việc kiểm tra ANHK đã được thực hiện tại điểm xuất phát và thuộc một trong các trường hợp sau: (Khoản 7, [Điều 50/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_053))

a) Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels retained on board aircraft and put under security surveillance continuously; (Point a, Item 7, Article 50/Circular 13)/ Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay, sân đỗ tàu bay hoặc có sự giám sát ANHK thích hợp liên tục; (Điểm a, Khoản 7, Điều 50/TT 13);

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels moved from apron to the cargo restricted areas; if cargo, mail and postal matters and parcels are carried through public areas to the cargo restricted areas and vice versa, they shall be sealed and put under security surveillance continuously in order to prevent the unauthorized introduction of dangerous items. (Point b, Item 7, Article 50/Circular 13)/ Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển từ sân đỗ tàu bay vào khu vực lưu giữ hàng hóa qua khu vực công cộng và ngược lại được niêm phong an ninh và có biện pháp giám sát an ninh thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi. (Điểm b, Khoản 7, Điều 50/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.3.6. Proofs and/or flight documents to prove that security status of transit/transfer cargo, mail, postal matters and parcels has been checked at the point of origin according to: item 4.6.9 & 4.6.11 of Annex 17/ Tenth Edition/ 2017; item 13.5.7.22, 13.5.7.23, 13.5.7.40 of Doc 8973/10 and the missive of CAAV (No. 3730/CHK-ANHK date 27/8/2019; No. 4782/CHK-ANHK date 30/10/2019)./ Các bằng chứng và/hoặc các tài liệu chuyến bay chứng minh rằng tình trạng an ninh của hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển đã được kiểm tra ANHK tại điểm xuất phát: theo điểm 4.6.9 & 4.6.11 Phụ lục 17/ Xuất bản lần thứ 10/2017; điểm 13.5.7.22, 13.5.7.23, 13.5.7.40 Doc 8973/10 và văn bản của Cục Hàng không Việt Nam (Số 3730/CHK-ANHK ngày 27/8/2019; Số 4782/CHK-ANHK ngày 30/10/2019):

a) *All-cargo and all-mail aircraft only (SCO)*: *Yes  No*

b) *A consignment security declaration: Yes  No*

c) *Airway bills (AWB) are marked “SCO”: Yes  No*

d) *Departure cargo, mail, postal matters and parcels with security seal: Yes  No*

## 2.4 Control and security monitoring of catering for crewmenber, equipment in the aircraft/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với suất ăn cho thành viên tổ bay, đồ dùng trên tàu bay

2.4.1 Carts or bags of catering supplies taken onboard shall be attached with security seals after having undergone security screening. Only catering carts and bags under seals is accepted to access to restricted areas in the airport by Aviation Security staff and flight crew must be received catering carts and bags only if they remain fully security sealed security seal of catering company. (Item 4, Article 53/Circular 13)/ Tủ hoặc túi đựng suất ăn phục vụ trên tàu bay sau khi được kiểm tra ANHK phải được niêm phong an ninh. Nhân viên kiểm soát ANHK chỉ cho phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, tổ bay chỉ được tiếp nhận lên tàu bay nếu tủ, túi đựng suất ăn còn nguyên niêm phong ANHK của doanh nghiệp suất ăn. (Khoản 4, [Điều 53/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_056))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Vietnam law/ Nội dung khác biệt:*

2.4.2 Aircraft stores and suppliesshall be packed in container or bag and being under security check by X-ray machine. Such bag and containers shall be put security seal on after security inspection by X-ray machine (exception items used for aircraft maintenance and repair) and under continuous security supervision by camera system or by security personnel or by two methods until being loaded onto aircraft. (Item 1, Article 54/Circular 13)/ Đồ vật phục vụ trên tàu bay phải có thùng hoặc túi đựng, được kiểm tra ANHK bằng soi chiếu tia X. Thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được niêm phong ANHK sau khi được kiểm tra ANHK bằng soi chiếu tia X (trừ đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay) và được giám sát liên tục bằng ca-me-ra giám sát an ninh hoặc do nhân viên kiểm soát ANHK trực tiếp giám sát hoăc cả hai biện pháp cho tới khi đưa lên tàu bay. (Khoản 1, [Điều 54/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_057))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.4.3 Aviation security re-checks:/ Tái kiểm tra an ninh hàng không trong các trường hợp:

In the case security seals are broken or checked baggage, cargo, parcels, mail, stores, catering carts are damaged, the re-checks of such checked baggage, cargo, parcels, mail, stores, catering carts shall be conducted before being loaded onto aircraft. (Item 3, Article 61/Circular 13)/ Trường hợp niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn hoặc hành lý ký gửi, hàng hoá, bưu gửi, đồ vật phục vụ trên tàu bay, tủ, túi đựng suất ăn bị rách, vỡ phải tái kiểm tra ANHK trước khi đưa lên tàu bay. (Khoản 3, [Điều 61/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_064)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.5 Control and security monitoring for special forms/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với các loại hình đặc biệt:

Transportation of weapons, supporting tools and war and radioative materials:

2.5.1 The transportation by air ofweapons, war materialand radioactivematerials into or through Vietnam’s territory is prohibitedexcept the following special cases: (1) Minister of National Defense decided some special cases allow the transportation ofweapons, war material by airinto or through Vietnam’s territory; (2) The Prime Minister decided some special cases to allow transport of radioactive materials by air into or through Vietnam’s territory. (Article 159 of Vietnam Civil Aviation Law No. 66/2006/QH11 date 29/6/2006 & No. 61/2014/QH13 date 21/11/2014)/ Không được vận chuyển bằng đường hàng không vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp: (1) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định trường hợp đặc biệt cho phép vận chuyển bằng đường hàng không vũ khí, dụng cụ chiến tranh vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam; (2) Thủ tướng Chính phủ quyết định trường hợp đặc biệt cho phép vận chuyển bằng đường hàng không vật liệu phóng xạ vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam. (Điều 159, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.5.2 Carriage of weapons, supporting tools on board of transit, arrival and departure flight from the Vietnam airport, which must be complied with Law on management and use of weapons, explosives and supporting tools. (Article 3 and 12 of Law on management and use of weapons, explosives and supporting tools, No. 14/2017/QH14 date 20/6/2017)/ Vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ trên tàu bay quá cảnh, đến và đi từ sân bay của Việt Nam phải tuân thủ theo Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Điều 3 và Điều 12/ Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.5.3 LAGs

a) When walking through security checkpoints to the international sterile area, each passenger, crewmember is allowed to carry the capacity of liquids not greater than 1 litre on his/her person, in his/her carry-on baggage. (Item 1, Article 71/Circular 13)/ Khi qua điểm kiểm tra ANHK vào khu vực cách ly quốc tế, mỗi hành khách, thành viên tổ bay chỉ được mang không quá 01 lít chất lỏng theo người và hành lý xách tay; (Khoản 1, [Điều 71/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_074))

Liquids must be carried in containers with a capacity not greater than 100 ml and such containers must be completely closed. (Item 1, Article 71/Circular 13)/ Dung tích của mỗi chai, lọ, bình chứa chất lỏng không quá 100 mi-li-lít, đồng thời phải được đóng kín hoàn toàn. (Khoản 1, [Điều 71/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_074))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Liquids which are purchased at airport duty-freeshops in international sterile area, and on international flight are allowed to be carried on person, in carry-on baggage without any limitations, provided that the liquids are packed in a sealed transparent plastic bag. (Item 3, Article 71/Circular 13)/ Chất lỏng mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế được phép mang theo người và hành lý xách tay không giới hạn dung tích với điều kiện phải đựng trong túi nhựa an ninh được dán kín. (Khoản 3, Điều 71/TT 13)

Security plastic bag is the bag specialized for containing liquids, condensed liquids, spraying liquids purchased from duty free shops in the international sterile area and on international flight. This bag is transparent with design as described in Annex XXV of the Circular 13/2019/TT-BGTVT./ Túi nhựa an ninh là túi nhựa chuyên biệt để đựng chất lỏng, các chất đặc sánh, dung dịch xịt mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế. Túi trong suốt có quy cách theo Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư 13/2019/TT-BGTVT.

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.6 Diplomatic Pouches & Special Products/ Túi ngoại giao & các vật phẩm đặc biệt

2.6.1 Diplomatic pouches, consular bags and special specimens, baggage, products (including: blood, the viscera, death bodies, human remain, ashes, animal products)/ Túi ngoại giao, túi lãnh sự, và các vật phẩm đặc biệt (máu, bộ phận nội tạng, thi thể người, hài cốt, tro cốt, động vật sống)

**a)** Diplomatic pouches and consular bags are exempt from X-ray screening, manual check, security search. (Item 1, Article 48/Circular 13)/ **T**úi ngoại giao, túi lãnh sự được miễn soi chiếu tia X, kiểm tra trực quan, lục soát ANHK. (Khoản 1, [Điều 48/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_051))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**b)** Diplomatic pouches and consular bags shall be screened by X-ray machine in case foreign air carrier have an request in an official letter to the head of AVSEC control force at airport, aerodrome and with diplomatic or consular liaison officers’s consent. Such X-ray screening must be confirmed in written by air carrier, diplomatic or consular liaison officers, security personnel and airport authority concerned; this record shall be sent to the diplomatic, consular agencies. (Item 6, Article 48/Circular 13)/ **Túi ngoại giao, túi lãnh sự sẽ được soi chiếu tia X trong trường hợp hãng hàng không (nước ngoài) trực tiếp vận chuyển có yêu cầu bằng văn bản gửi người đứng đầu lực lượng kiểm soát ANHK tại cảng hàng không, sân bay và được sự đồng thuận của giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự. Việc soi chiếu tia X phải được ghi nhận bằng biên bản** có sự xác nhận của hãng hàng không, giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, nhân viên kiểm soát ANHK và Cảng vụ hàng không; biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự. (Khoản 6, [Điều 48/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_051))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Diplomatic passport holder, diplomatic liaison officers, consular liaison officers or representatives of diplomatic missions or consular offices, diplomatic missions and items carried with them when entering restricted areas or travelling with diplomatic pouches/consular pouches shall undergo security check as prescribed in Articles 36 and 41 of Circular 13/2019/TT-BGTVT. (Item 5, Article 48/Circular 13)/ Người có hộ chiếu ngoại giao, giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự hay đại diện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự và đồ vật mang theo khi vào khu vực hạn chế để gửi hay đi cùng túi ngoại giao, túi lãnh sự phải được kiểm tra ANHK theo quy định tại các Điều 36 và 41 của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT (Khoản 5, Điều 48/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.6.2 Security check of special specimens, baggage, products (Article 52/Circular 13)/ **Kiểm tra ANHK đối với vật phẩm đặc biệt** ([Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

a) The exemption of security check and screening shall be apply to dead bodies transported by air which are placed in a closed aluminum coffin that is sealed. Process of packing and sealing shall be put under the supervision of the competent health agencies. Aluminum coffin shall have intact seals, attestation of death and other appropriate documentation of the competent health agencies and shall be applied security check by explosive detector (Item 1 & 8, Article 52/Circular 13)/ Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với thi thể người vận chuyển bằng tàu bay được đặt trong hòm kẽm gắn kín. Quá trình đóng gói và niêm phong hòm kẽm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền giám sát. Hòm kẽm phải còn nguyên niêm phong và có văn bản xác nhận của cơ quan y tế giám sát kèm theo giấy chứng tử và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 1 & 8, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) The exemption of security check and screening shall be apply to the products made ​​from blood, the viscera for transplantation, vaccines, pharmaceutical product being sealed. The containners shall have security seals attached to, and written confirmation of the competent health agencies and shall be applied security check by explosive detector. (Item 2 & 8, Article 52/Circular 13)/ Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với các sản phẩm làm từ máu, bộ phận nội tạng dùng cho việc cấy ghép, vắc-xin, các loại dược phẩm phải duy trì đóng gói kín. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 2 & 8, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) The exemption of security check and screening shall be apply to dangerous goods that screening or security check will endanger the lives and health of security employees such as materials for nuclear research, radioactive materials. The containners shall have security seals attached to, and correspondence confirming the safety package of the competent state agencies and request correspondence of the competent state agencies. (Item 3, Article 52/Circular 13)/ Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với những hàng hóa nguy hiểm mà việc soi chiếu hoặc kiểm tra trực quan sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của nhân viên kiểm soát ANHK như các vật liệu cho nghiên cứu hạt nhân, vật liệu phóng xạ. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận tình trạng đóng gói an toàn, văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. (Khoản 3, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Security control of human remains (including ashes) shall be conducted in the same manner as normal cargo, except cases requested by the state agencies concerned, foreign diplomatic ahencies and approved by the head of AVSEC control force at airport, aerodrome and shall be applied security check by explosive detector (Item 4 & 8, Article 52/Circular 13)/ Đối với hài cốt, tro cốt, việc kiểm tra an ninh hàng không được thực hiện như đối với hàng hoá, hành lý thông thường, trừ trường hợp có đề nghị miễn soi chiếu tia X của cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài và phải được người đứng đầu bộ phận kiểm soát ANHK tại cảng hàng không, sân bay chấp nhận và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 4 & 8, Điều 52/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

e) Animal, animal products easily damaged which can not be screened by X-ray machine, and shall be subjected to manual check or other appropriate security measure sand shall be applied security check by explosive detector. (Item 5 & 8, Article 52/Circular 13)/ Đối với động vật sống, vật phẩm dễ bị hỏng không thể kiểm tra bằng soi chiếu tia X thì phải kiểm tra trực quan hoặc biện pháp khác thích hợp và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 5 & 8, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

f) The transportation of dangerous items must comply with regulations on carriage of dangerous goods by air. Those dangerous items must be packed, labeled and declared before acceptance for carriage. Air carrier shall be responsible to inspect, define to comply with the regulations on carriage of dangerous goods by air. If dangerous items are detected during security check, AVSEC control force shall have to inform to air carrier for final decision. (Item 6, Article 52/Circular 13)/ Vận chuyển hàng nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không. Hàng nguy hiểm phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy định và khai báo trước khi chấp nhận để vận chuyển. Hãng hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định sự tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không trước khi chấp nhận vận chuyển hàng nguy hiểm. Khi kiểm tra ANHK phát hiện hàng nguy hiểm, lực lượng kiểm soát ANHK phải thông báo cho hãng vận chuyển xem xét quyết định. (Khoản 6, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.6.3 When completing procedures for receiving application forms for transport of cargo, parcels, courier and mail, airlines shall have to notify passengers of airlines’ difference policy on transport of special articles specified in article 52 of Circular 13/2019/TT-BGTVT or transport of dangerous articles, such as diplomatic pouches and consular pouches (if any). (Item 7, Article 118/Circular 13)/ Khi làm thủ tục tiếp nhận đăng ký vận chuyển hàng hóa, bưu gửi, hãng hàng không phải thông báo cho khách hàng về chính sách khác biệt của hãng đối với việc vận chuyển các vật phẩm đặc biệt hoặc vận chuyển vật phẩm nguy hiểm quy định tại Điều 52, TT 13/2019/TT-BGTVT, túi thư ngoại giao, túi lãnh sự (nếu có). (Khoản 7, Điều 118/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK: ......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

# 3. CONTINGENCY PLAN EVALUATION/ ĐÁNH GIÁ VỀ AN NINH ĐỐI PHÓ

Contingency plan - contingency plans should be consistent with national and airport contingency plans (guidance on contingency planning can be found in Chapter 17 of Doc 8973);/Phương án khẩn nguy phải phù hợp với phương án khẩn nguy của mỗi quốc gia và cảng hàng không, sân bay (hướng dẫn về phương án khẩn nguy được quy định tại Chương 17, Doc 8973)

A proactive plan to include measures and procedures addressing various threat levels, risk assessments and the associated security measures to be implemented, designed to anticipate and mitigate events as well as prepare all concerned parties having roles and responsibilities in the event of an actual act of unlawful interference. A contingency plan sets forth incremental security measures that may be elevated as the threat increases. It may be a stand-alone plan or included as part of a Crisis Management Plan/ Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp là phương án bao gồm các biện pháp, thủ tục cho các mức độ đe dọa khác nhau, đánh giá nguy cơ và các biện pháp an ninh hiệp đồng phối hợp được thực hiện, được trù liệu trước về vai trò, trách nhiệm của cơ quan tổ chức có liên quan khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng. Các biện pháp bảo đảm an ninh trong phương án khẩn nguy có thể tăng hoặc giảm theo mức độ đe dọa cụ thể. Phương án khẩn nguy có thể được xây dựng riêng rẽ hoặc là một phần của kế hoạch ứng phó khủng hoảng.

Acts of unlawful interference against civil aviation activities are acts that may threaten the safety of civil aviation activities, including: (Item 2, Article 190 of Vietnam Civil Aviation Law No. 66/2006/QH11 date 29/6/2006 & No. 61/2014/QH13 date 21/11/2014)/ Hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng là hành vi có khả năng uy hiếp an toàn hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm một trong các hành vi sau đây: (Khoản 2, Điều 190 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014)

(i) Unlawful seizure of aircraft in flight;/ Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay đang bay;

(ii) Unlawful seizure of aircraft on the ground;/ Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay trên mặt đất;

(iii) Use of aircraft as the weapon;/ Sử dụng tàu bay như một vũ khí;

(iv) Hostage-taking on board aircraft or on airports and aerodromes;/ Bắt giữ con tin trong tàu bay hoặc tại cảng hàng không, sân bay;

(v) Forcible intrusion on board an aircraft, at an airport/aerodrome or on premises of a civil aviation facility;/ Xâm nhập trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

(vi) Illegally bringing dangerous objects onboard an aircraft, airport, airfield or other restricted areas./ Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay và khu vực hạn chế khác trái pháp luật.

Dangerous objects include weapons, ammunitions, combustibles, flammables, explosives, chemical and biological toxins, radioactive substances and other objects and substances capable of causing danger or being used to cause danger to human health and life and safety of flight;/ Vật phẩm nguy hiểm bao gồm vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất dễ cháy, chất nổ, chất dễ nổ, chất độc hóa học và sinh học, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm hoặc được dùng để gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, an toàn của chuyến bay;

(vii) Providing information which is so false that it affects the safety of aircraft in flight or on the ground, the safety of passengers, crews, ground personnel or persons at airports, airfields and civil air navigation aids, facilities and equipment;/ Cung cấp thông tin sai đến mức uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất; an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

(viii) Intentionally committing illegal acts endangering the safety of operation of aircraft, airports or airfields; or affecting air navigation assurance./ Cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật uy hiếp đến an toàn khai thác tàu bay; khai thác cảng hàng không, sân bay; bảo đảm hoạt động bay.

3.1 Is there a regulation of contingency plan dealing with acts of unlawful interference against civil aviation activities in AOSP?/ Hãng hàng không có quy định về Phương án khẩn nguy, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng hay không?.

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.2 How many levels of enhanced aviation security are there regulated in AOSP when appear high threats to civil aviation security ?/ Có bao nhiêu cấp độ tăng cường bảo đảm ANHK được quy định trong chương trình ANHK của hãng khi có nguy cơ cao đối với ANHK dân dụng?.

.........................................................................................................................................................

***Please enumerate***: .........................................................................................................................

........................................................................................................................................................

How do the AOSP regulate to apply levels of enhanced aviation security when appear high threats to civil aviation security?/ Các cấp độ triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy trong chương trình ANHK của hãng như thế nào?.

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

The operators of aircraft, airlines and the relevant bodies and units have follow the directions of the Civil Aviation Authority of Vietnam in implementation of enhanced security control measures corresponding to the applicable ehanced level/ Người khai thác tàu bay, hãng hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan phải thực hiện ngay theo chỉ đạo của Cục Hàng không Việt Nam về triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát ANHK tăng cường tương ứng với cấp độ được áp dụng.

Reference/ Tham chiếu: Article 78, Circular 13/2019/TT-BGTVT/ Điều78, TT 13

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.3 The security check of aircraft shall comply with regulations on enhanced security measures, contingency plan dealing with acts of unlawful interference against civil aviation activities at airport./ Việc lục soát an ninh tàu bay được thực hiện theo quy định về các biện pháp bảo đảm an ninh tăng cường, phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

Searches of aircraft, passengers, crew members, baggages, cargo, mail and parcelshould be carried out if there is any information of unscreened dangerous devices on board an aircraft during security checking and screening process before loaded onto aircraft. (Item 2, Article 9/Decree 92)/ Việc lục soát ANHK được thực hiện đối với tàu bay, hành khách, thành viên tổ bay, hành lý, hàng hóa, bưu gửi trên tàu bay trong trường hợp có thông tin trên tàu bay có vật phẩm nguy hiểm mà chưa được phát hiện, xác định trong quá trình kiểm tra, soi chiếu trước khi đưa lên tàu bay. **(Khoản 2,** [Điều 9/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_09))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.4 In the case of detecting unusual signs or any threatening information relating to security and safety of aircraft, searches of screened passengers, crew members, flight servicing staffs, relevant personnels, baggages, cargo, mail and parcel should be carried out. (Item 4, Article 9/Decree 92)/ Việc lục soát ANHK được thực hiện khi kiểm tra, soi chiếu, giám sát ANHK đối với hành khách, thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, phương tiện mà phát hiện dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa đến an ninh, an toàn của chuyến bay. **(Khoản 4,** [Điều 9/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_09))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.5 Searches of aircraft shall be conducted according to the list. There must be checklists of aircraft security searches for each type of aircraft and retained in the aircraft. (Item 2, Article 65/Circular 13)/ Việc lục soát tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục lục soát an ninh tàu bay. (Khoản 2, [Điều 65/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_068))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.6 Reporting and notification procedure/ Báo cáo – Quy trình báo cáo sự cố

Reporting sample, the time of reporting/ Báo cáo ai, mẫu báo cáo, thời hạn báo cáo

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

# 4. TRAINING PROGRAME/ĐÀO TẠO – HUẤN LUYỆN

Security training programme — the development and implementation of this programme should be undertaken in accordance with the State’s NCASP (Circular 13), and should reflect the standards, policies and procedures contained in the NCASTP (guidance on security training programmes for specific entities can be found in Chapter III of Circular 43/2017/TT-BGTVT date 16/11/2017); and recruitment and training of security staff and/or handling agents; and/ Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ANHK – việc xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phải bảo đảm tuân thủ theo chương trình ANHK dân dụng Quốc gia (TT 13) và phải phản ánh được các tiêu chuẩn, chính sách và quy trình quy định trong chương trình ANHK dân dụng (hướng dẫn về chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ANHK cho từng đối tượng được quy tại Chương III/TT 43/2017/TT-BGTVT ngày 16/11/2017); và quy trình tuyển dụng, đào tạo nhân viên ANHK và/ hoặc nhân viên giao nhận; và

## 4.1 Regulations about policy, organization/security training programme/ Có quy định về chính sách, tổ chức/bộ máy huấn luyện đào tạo ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 4.2 There are programs and content summaries of security training programme/ Có chương trình, nội dung tóm lược về huấn luyện đào tạo ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 4.3 Recruitment and employee background checks/ Tuyển dụng và thẩm tra lý lịch nhân viên

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

# 5. QUALITY CONTROL PROGRAME/ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Quality control programme — the development and implementation of this programme should be undertaken in line with the State’s NCASP (Circular 13) and the aircraft operator security programme. The implementation of quality control functions, including audits, inspections, tests and surveys, is essential to ensuring the maintenance and sustainability of effective aviation security measures in commercial air transport operations (guidance on aviation security quality control functions can be found in Chapter VII/Circular 13)./ Chương trình kiểm soát chất lượng - việc xây dựng và thực hiện chương trình kiểm soát chất lượng phải bảo đảm tuân thủ theo chương trình ANHK dân dụng Quốc gia (TT 13) và nhà khai thác tàu bay. Thực hiện việc kiểm soát chất lượng bao gồm: thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm và khảo sát là điều cần thiết nhằm đảm bảo duy trì và phát triển bền vững các biện pháp an ninh có hiệu quả trong hoạt đông vận chuyển hàng không thương mại (hướng dẫn về chương trình kiểm soát chất lượng được quy định tại Chương VII/TT 13)

## 5.1 Policies, organizational structure/ quality control of aviation security/ Có chính sách, tổ chức/bộ máy kiểm soát chất lượng ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 5.2 Responsibility of people in charge of aviation security quality control/ Có quy định nhiệm vụ của người làm công tác kiểm soát chất lượng ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 5.3 Assessment activities of the foreign authorities and airlines in Vietnam must be allowed by the CAAV, after finishing the assessment, the result must be sent to the CAAV (Item 2, Article 107/Circular 13)/ Hoạt động đánh giá tại Việt Nam của nhà chức trách, hãng hàng không nước ngoài phải được Cục Hàng không Việt Nam cho phép, sau khi kết thúc đánh giá phải gửi kết quả về Cục Hàng không Việt Nam. (Khoản 2, [Điều 107/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_104))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 5.4 Operation activites of the foreign airlines in Viet Nam are subjected to aviation security inspection, survey, evaluation, overt and covert test, and investigation by CAAV and its regional airport administration (Item 1, Article 106/Circular 13)/ Hoạt động khai thác của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam phải chịu sự **kiểm tra, khảo sát, đánh giá, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra ANHK của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không tại sân bay Việt Nam (Khoản 1, Điều 106/TT 13).**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK: .......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**6. THE AIRLINE’S COMMITTAL/ CAM KẾT CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG**

**Fully comply with the aviation security regulations of Vietnam when operating activites ofthe airlines in Viet Nam/ Tuân thủ đầy đủ các quy định về ANHK của Việt Nam khi hãng hàng không hoạt động khai thác tại Việt Nam**

*Fully comply/ Tuân thủ đầy đủ:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Signature of the person who complete the questionnaire**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  **Name & title**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  | **Signature and stamp of the Head of aviation security of the airlines**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Name & title**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

-End-